

Số: 283/2023/QĐST-HNGĐ

Sơn Dương, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 380/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng T.**, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Đặng Đình H.**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị Hồng T.** và anh **Đặng Đình H.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Giao cháu Đặng Nguyễn Đình K, sinh ngày 09/01/2018 cho anh Đặng Đình H. là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Hồng T. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Đặng Nguyễn Đình K. đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Chị Nguyễn Thị Hồng T. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị Hồng T. và anh Đặng Đình H. đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Hồng T. và anh Đặng Đình H. đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Hồng T. phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng. Tổng cộng chị Nguyễn Thị Hồng T. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số AA/2021/0002966, ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và Giấy thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 000000704110 ngày 09/10/2023 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam. Chị Nguyễn Thị Hồng T. đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đặng Đình H. không phải chịu tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD (02 bản);
- Chi cục THADS SD (để thi hành);
- UBND xã T, P. (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến